

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2018/HS-ST
Ngày 18 – 10 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm.

Ông Lê Thái Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chưởng – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 179/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 675/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1991; tại Hồng Ngự, Đồng Tháp; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: đường L, khóm N, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bé N (Còn sống) và bà Đỗ Thị Ngọc D (Còn sống); chồng Bùi Thanh T, con 02 người; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: chưa có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/4/2018 cho đến nay (có mặt).

Bị hại:

- Bà Đỗ Thu H, sinh năm 1967. Nơi cư trú: đường L, khóm N, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bà Hồ Tuyết N, sinh năm 1976. Nơi cư trú: đường L, khóm N, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bà Lê Thị Huỳnh T (Lê Hồng N), sinh năm 1981. Nơi cư trú: đường L, khóm N, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bà Trần Thanh Tr, sinh năm 1968. Nơi cư trú: đường L, khóm N, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bà Phạm Kim Th, sinh năm 1950. Nơi cư trú: đường L, khóm N, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bà Lê Thị Ánh TT, sinh năm 1973. Nơi cư trú: đường N, khóm S, phường

C, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Ông Lâm Hoàng V, sinh năm 1971. Nơi cư trú: đường V, khóm S, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bà Trương Hồng H, sinh năm 1981. Nơi cư trú: khóm M, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bà Đặng Thị HH, sinh năm 1973. Nơi cư trú: đường L, khóm M, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ cuối năm 2012 đến đầu năm 2013, Nguyễn Thị Kim Ng đứng ra tổ chức làm chủ hội, mỗi năm Ng mở khoảng 04 dây hội ngày, loại hội 100.000 đồng, mỗi dây có từ 120 đến 130 chân hội. Ng được hưởng hoa hồng (tiền cò) là 100.000 đồng/chân/ngày từ hội viên hốt hội. Ở mỗi dây hội, Ng có lập sổ ghi chép việc gom tiền hội và chung tiền hội, nhưng Ng không có lập danh sách hội đưa cho hội viên, Ng thỏa thuận với các hội viên là hàng ngày không phải tổ chức bỏ thăm khai hội mà đóng hội theo hình thức, nếu hội sống thì đóng 85.000 đồng, hội chết thì đóng 100.000 đồng/chân hội/ngày.

Với hình thức này, hội viên hoàn toàn không biết được ai đã hốt hội trong ngày, nhưng khi đi gom hội thì Ng không nói ai hốt hội, nếu có hội viên nào hỏi thì Ng chỉ nói có người hốt hội nhưng không nói tên hội viên nào hốt. Tuy nhiên, thực tế thì không có hội viên nào hốt hội, từ đó các hội viên tin tưởng và đóng tiền cho Ng.

Do hội ngày không tổ chức bỏ thăm khai hội và không có hội viên nào hỏi tên của người hốt hội. Vì vậy, Ng tự ý hốt hội của hội viên chiếm đoạt tổng số tiền **194.075.000** đồng. Ngoài ra, Ng còn đưa ra thông tin gian dối, Ng nói với các hội viên là có hội viên trong dây hội cần tiền kêu bán hội, nếu mua sẽ hưởng được lời, các hội viên tin là thật nên đưa tiền cho Ng để mua hội số tiền 312.775.000 đồng, Ng có trả lãi cho các hội viên 75.250.000 đồng, Ng còn chiếm đoạt 237.525.000 đồng, nhưng thực tế thì không có hội viên nào kêu bán hội. Số tiền tự ý hốt hội của hội viên và bán hội không Ng sử dụng vào mục đích lắp hội, đóng hội do người khác làm chủ, chi xài cá nhân. Đến ngày 15/12/2017 (nhằm ngày 28/10/2017 âm lịch) thì Ng tuyên bố bế hội.

Tính đến ngày Ng tuyên bố bế hội thì Ng còn 01 dây hội ngày loại hội 100.000 đồng mở ngày 15/9/2017 âm lịch chưa mãn. Dây hội này Ng tự ý hốt hội và bán hội không chiếm đoạt tiền của hội viên. Cụ thể:

Dây hội mở ngày 15/9/2017 âm lịch (nhằm ngày 03/11/2017) loại hội 100.000 đồng/ngày, gồm có 10 người tham gia với tổng số 130 chân, trong dây hội này Ng có tham gia 10 chân, hội khai được 40 kỳ, còn lại 90 kỳ, tuy nhiên trên thực tế còn 115 kỳ, chênh lệch 25 kỳ do Ng tự ý hốt hội của hội viên. Cụ thể:

Từ ngày 01/10/2017 đến ngày **25/10/2017** âm lịch, Ng tự ý hốt hội 25 kỳ (từ kỳ 16 đến kỳ 40), chiếm đoạt tiền của hội viên. Cụ thể như sau:

Hội sống 115 chân x 85.000đ x 25 kỳ = 244.375.000 đồng;

Hội chết 05 chân x 100.000đ x 25 kỳ = 12.500.000 đồng;

Ngoài ra bà Hồ Tuyết N tham gia 05 chân đóng trước 01 kỳ là: 05 x 85.000đ = 425.000 đồng.

Tổng số tiền Ng tự ý hốt hội của hội viên là 257.300.000 đồng nhưng Ng chỉ gom được và chiếm đoạt số tiền là 194.075.000 đồng, số tiền còn lại 63.225.000 đồng Ng chưa gom được của hội viên gồm: Đỗ Thu H chưa đóng 04 kỳ = 17.000.000 đồng, Lê Thị Ánh T chưa đóng 05 kỳ = 2.125.000 đồng, Đặng Thị HH chưa đóng 05 kỳ = 9.350.000 đồng, Trương Hồng H chưa đóng 10 kỳ = 8.500.000 đồng, Trương Hồng N chưa đóng 30 kỳ = 7.650.000 đồng, Tiêu Thị L chưa đóng 20 kỳ = 18.500.000 đồng và Lâm Hoàng V chưa đóng 01 kỳ = 100.000 đồng.

Vì vậy, đây hội này Nguyễn Thị Kim Ng tự ý hốt hội của hội viên chiếm đoạt số tiền là 194.075.000 đồng.

* Những hội viên đóng hội số tiền thực đóng chưa được hốt hội gồm:

- 1- Đỗ Thu H tham gia 50 chân, đóng 36 kỳ = 153.000.000 đồng;
- 2- Hồ Tuyết N tham gia 05 chân, đóng 41 kỳ = 17.425.000 đồng;
- 3- Lê Thị Huỳnh T tham gia 05 chân, đóng 40 kỳ = 17.000.000 đồng;
- 4- Lê Thị Ánh TT tham gia 05 chân, đóng 35 kỳ = 14.875.000 đồng;
- 5- Lâm Hoàng V tham gia 10 chân, đóng 40 kỳ = 33.900.000 đồng;
- 6- Trương Hồng H tham gia 10, đóng 30 kỳ = 25.500.000 đồng;
- 7- Trương Hồng N tham gia 03 chân, đóng 10 kỳ = 2.550.000 đồng;
- 8- Đặng Thị HH tham gia 22 chân, đóng 35 kỳ = 65.450.000 đồng;
- 9- Tiêu Thị L tham gia 10 chân (chết 05 chân), còn 05 chân sống đóng 20 kỳ = 8.500.000 đồng.

Ở đây hội này, ngoài việc tự ý hốt hội của hội viên chiếm đoạt tiền, cùng ngày 15/9/2017, Ng còn đưa ra thông tin gian dối kêu bán hội khổng cho 03 người bằng 35 chân hội, với số tiền là 312.775.000 đồng, Ng có trả lãi cho 03 người với số tiền là 75.250.000 đồng, còn lại Ng chiếm đoạt 237.525.000 đồng. Cụ thể như sau:

1- Ng bán cho bà Đỗ Thu H 20 chân hội, với số tiền là 149.300.000 đồng, Ng có trả lãi cho bà H 70.000.000 đồng, Ng chiếm đoạt 79.300.000 đồng.

2- Ng bán cho bà Trần Thanh Tr 10 chân hội, với số tiền là 108.650.000 đồng, Ng có trả lãi cho bà Tr 3.000.000 đồng, Ng chiếm đoạt 105.650.000 đồng.

3- Ng bán cho bà Phạm Kim Th 05 chân hội, với số tiền là 54.825.000 đồng, Ng có trả lãi cho bà Th 2.250.000 đồng, Ng chiếm đoạt 52.575.000 đồng.

Như vậy, ở đây hội này Ng vừa tự ý hốt hội của hội viên và bán hội khổng chiếm đoạt số tiền là 194.075.000đ + 237.525.000đ = 431.600.000 đồng.

Đây hội khai ngày 15/9/2017 Ng còn nợ các hội viên số tiền thực đóng và tiền mua hội. Cụ thể như sau:

1- Đỗ Thu H: số tiền thực đóng là 153.000.000 đồng, tiền mua hội là 79.300.000 đồng.

2- Hồ Tuyết N số tiền thực đóng là 17.425.000 đồng.

3- Lê Thị Huỳnh T số tiền thực đóng là 17.000.000 đồng.

- 4- Lê Thị Ánh TT số tiền thực đóng là 14.875.000 đồng.
- 5- Lâm Hoàng V số tiền thực đóng là 33.900.000 đồng.
- 6- Trương Hồng H số tiền thực đóng là 25.500.000 đồng.
- 7- Đặng Thị HH số tiền thực đóng là 65.450.000 đồng.
- 8- Trần Thanh Tr tiền mua hụi là 105.650.000 đồng.
- 9- Phạm Kim Th số tiền mua hụi là 52.757.000 đồng.

Nguyễn Thị Kim Ng còn nợ các hụi viên (09 hụi viên) số tiền thực đóng và tiền bán hụi không tổng cộng là 564.857.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Kim Ng thừa nhận hành vi phạm tội của mình và cùng với các hụi viên tiến hành đối chiếu, thống nhất được thời gian mở hụi, loại hụi, số tiền hụi sống thực tế mà các hụi viên góp khi tham gia chơi hụi, số chân hụi cùng số tiền hụi không đã mua bán.

Tại Cáo trạng số: 178/CT-VKS ngày 12/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 06 năm tù; Về trách nhiệm dân sự: áp dụng các Điều 585 và 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại tổng số tiền 564.857.000 đồng; Về án phí, xử lý theo quy định.

Bị cáo thống nhất số tiền đã hốt của các hụi viên và bán không 35 chân hụi và đồng ý hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại thực tế đã tham gia đóng và tiền bán hụi. Đồng thời xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong khoảng thời gian tổ chức chơi hụi từ cuối năm 2012 đến đầu năm 2013, do bị thâm hụt kinh tế, không có tiền lấp hụi, chung hụi cho những dây hụi đã mãn, đóng hụi do người khác làm chủ và sử dụng cho mục đích cá nhân. Nên ngày 15/9/2017 (âm lịch), Nguyễn Thị Kim Ng nảy sinh ý định mở 01 dây hụi ngày loại 100.000 đồng, rồi dùng hành vi gian dối tự ý hốt hụi chiếm đoạt tiền của các hụi viên; đồng thời Ng còn đưa ra thông tin gian dối kêu bán không hụi cho những người có nhu cầu mua hụi, thực tế không có hụi viên nào bán hụi, bị cáo tự kêu bán không cho các bị hại để chiếm đoạt tổng số tiền 431.600.000 đồng.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức và biết rõ việc đưa ra thông tin gian dối để hốt hụi và bán không hụi là không đúng, vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì lợi ích của bản thân, bị cáo cố ý thực hiện tội phạm đến cùng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tình tiết định khung tăng nặng theo điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau truy tố bị cáo là có căn cứ.

[2] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội thấy rằng, hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại, gây mất an ninh trật tự và tạo ra dư luận không tốt tại địa phương bởi những người tham gia chơi hội phần lớn là dân lao động, họ tham gia góp hội nhằm tương trợ góp vốn lẫn nhau, vừa tích lũy được vốn, vừa tìm được lối nhằm cải thiện đời sống kinh tế gia đình nhưng chỉ vì tư lợi cá nhân bị cáo bất chấp pháp luật vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Tại tòa, bị cáo khai nhận ngoài lý do bị cáo chiếm đoạt tiền để lấp hội, chung hội cho những dây hội đã mất, đóng hội do người khác làm chủ và sử dụng cho mục đích cá nhân, từ đó bị cáo nảy sinh ý định hốt hội của các hội viên, bán hội không cho các bị hại để chiếm đoạt tổng số tiền 431.600.000đ. Do đó, cần xử lý nghiêm hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe và ngăn ngừa chung trong xã hội.

[3] Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra bị cáo tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, bị cáo có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự), tại tòa bị hại Tr xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo do đó Hội đồng xét xử có xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo trong lúc lượng hình.

[4] Về trách nhiệm dân sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị hại có yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt, bị cáo đồng ý hoàn trả theo yêu cầu của các bị hại do đó Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo hoàn trả cho các bị hại số tiền hội sống thực tế đã đóng và tiền mua hội bị cáo còn nợ gồm: Bà Đỗ Thu H: 153.000.000 đồng + 79.300.000 đồng = 232.300.000 đồng; bà Hồ Tuyết N là 17.425.000 đồng; bà Lê Thị Huỳnh T (Lê Hồng N) là 17.000.000 đồng; bà Lê Thị Ánh TT là 14.875.000 đồng; ông Lâm Hoàng V là 33.900.000 đồng; bà Trương Hồng H là 25.500.000 đồng; bà Đặng Thị HH là 65.450.000 đồng; bà Trần Thanh Tr là 105.650.000 đồng; bà Phạm Kim Th là 52.757.000 đồng.

Ngoài ra, Ng còn nợ tiền hội của bà Đỗ Thu H ở dây hội đã mất là 123.170.000 đồng và nợ tiền hội do người khác làm chủ là 178.000.000 đồng. Xét thấy, trong quá trình điều tra không có dấu hiệu của tội phạm lừa đảo hay lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nên đây là giao dịch dân sự, trường hợp giữa Ng, bà H và các hội viên khác không thỏa thuận được với nhau thì có quyền kiện đòi bị cáo trả số tiền nợ hội ở vụ kiện dân sự khác.

[5] Về vật chứng của vụ án: Không có nên không đặt ra xem xét.

[6] Đối với Trương Hồng N, sinh năm 1976, ngụ: Khóm M, phường N, thành phố C tham gia 03 chân, đóng hội sống được 10 kỳ với số tiền là 2.550.000 đồng, nhưng bà N và Ng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[7] Đối với bà Tiêu Thị L, sinh năm 1975, ngụ: Khóm N, phường M, thành phố C tham gia 10 chân, đã hốt 05 chân, còn nợ tiền hội chết của Ng là 52.500.000 đồng, trừ 05 chân hội sống bà L đóng được số tiền 8.500.000 đồng, hiện bà L còn nợ Ng tiền hội chết là 44.000.000 đồng. Trường hợp bà L và Ng không tự thỏa thuận được sẽ khởi kiện thành vụ án dân sự khác, không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[8] Đối với bà Quách Bích Th, Ng khai nhà ở khóm S, phường M, thành phố C, hốt hui không đóng hui chết cho Ng khoảng 100.000.000 đồng và bỏ địa phương đi, nhưng Ng không cung cấp được tài liệu chứng minh việc bà Th giết hui của Ng, qua xác minh tại địa phương thì bà Quách Bích Th không có đăng ký thường trú hoặc tạm trú tại khóm S, phường M, thành phố C nên không có cơ sở chấp nhận.

[9] Đối với Bùi Thanh T (Chồng của Ng) có đi gom hui của các hui viên cho Ng và bà Lâm Thị Th (Mẹ chồng Ng) có thỏa thuận bán cho bà Phạm Kim Th 05 chân hui không. Việc T gom hui và bà Th bán hui không là do Ng nhờ, T và bà Th không biết gì về việc này và cũng không có thỏa thuận, bàn bạc với Ng trong việc tự ý hốt hui và bán hui không nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[10] Về án phí, bị cáo phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Xét thấy các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên được thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 139; Điều 42; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009); các Điều 471, 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại gồm: Trả cho bà Đỗ Thu H số tiền 232.300.000 đồng; bà Hồ Tuyết N số tiền là 17.425.000 đồng; bà Lê Thị Huỳnh T (Lê Hồng N) số tiền là 17.000.000 đồng; bà Lê Thị Ánh TT số tiền là 14.875.000 đồng; ông Lâm Hoàng V số tiền là 33.900.000 đồng; bà Trương Hồng H số tiền là 25.500.000 đồng; bà Đặng Thị HH số tiền là 65.450.000 đồng; bà Trần Thanh Tr số tiền là 105.650.000 đồng; bà Phạm Kim Th số tiền là 52.757.000 đồng.

Kể từ ngày các bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo Ng không tự nguyện thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Tiếp tục duy trì số tiền 5.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0002805 để đảm bảo việc thi hành án.

- Án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Ng phải nộp là 200.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị cáo Ng phải nộp 26.594.280 đồng.

Tổng số tiền án phí bị cáo Ng phải nộp 26.794.280 đồng (Chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo và các bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Trương Hồng H, Đặng Thị HH vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND TP Cà Mau;
- Bị cáo, bị hại;
- Cơ quan điều tra CATPCM;
- Cơ quan THA hình sự, THA dân sự TP Cà Mau;
- UBND Phường M, Tp C;
- Lưu hồ sơ, AV, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Lê Thị Thu